TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:187/2018/QĐST-HNGĐ	*Việt Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 256/2018/TLST – HNGĐ ngày 11/10/2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Tạ Văn T– sinh năm 1968

HKTT: Thôn V, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Tạ Thị H– sinh năm 1972

HKTT: Thôn V, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên do ông Tạ Văn P– Giám đốc đại diện.

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; điều 57; điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện ly hôn và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tạ Văn T và chị Tạ Thị Hán

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Quan hệ vợ chồng: Anh Tạ Văn T và chị Tạ Thị H thuận tình ly hôn.

* Con chung: Anh Tạ Văn T và chị Tạ Thị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Thị H, sinh ngày 12/6/1992 và cháu Tạ Văn H, sinh ngày

14/9/1994. Hiện nay cháu H và cháu H đã trưởng thành, ở với ai là tùy các cháu, anh T chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, ruộng canh tác: Anh Tạ Văn T và chị Tạ Thị H thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về công nợ chung: Anh Tạ Văn T, chị Tạ Thị H và Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên thống nhất thỏa thuận:

-Anh T có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV201802284 ngày 10/4/2018 là 25.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/10/2018 là 1.326.041 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 26.326.041 đồng. Anh T phải tiếp tục chịu lãi và lãi phát sinh trên số tiền phải trả theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

-Chị H có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV201802284 ngày 10/4/2018 là 25.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/10/2018 là 1.326.041 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 26.326.041 đồng. Chị H phải tiếp tục chịu lãi và lãi phát sinh trên số tiền phải trả theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

* Án phí: Anh Tạ Văn T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 329.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/05171 ngày 11/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh T còn phải nộp 179.000 đồng án phí DSST.

Chị Tạ Thị H phải chịu 329.000 đồng tiền án phí DSST.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên phải chịu 658.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/05189 ngày 29/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên số tiền tạm ứng án phí còn thừa 592.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/05189 ngày 29/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên